

**PHỤ LỤC 1: BIỂU SO SÁNH TỶ LỆ LẤP ĐẦY (%) ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH SỐ 47/2024/QĐ/UBND NGÀY 14/10/2024
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP CHO THUÊ VĂN PHÒNG THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ**

STT	Đơn vị hành chính từ 01/7/2025	Đơn vị hành chính trước 1/7/2025	Tỷ lệ (%) theo QĐ47/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024		Tỷ lệ đề xuất		Tăng/giảm	
			Tỷ lệ lấp đầy diện tích sàn kinh doanh trong năm đầu tiên phát sinh doanh thu	Tỷ lệ lấp đầy diện tích sàn kinh doanh các năm tiếp theo phát sinh doanh thu	Tỷ lệ lấp đầy diện tích sàn kinh doanh trong năm đầu tiên phát sinh doanh thu	Tỷ lệ lấp đầy diện tích sàn kinh doanh các năm tiếp theo phát sinh doanh thu	Tỷ lệ lấp đầy diện tích sàn kinh doanh trong năm đầu tiên phát sinh doanh thu	Tỷ lệ lấp đầy diện tích sàn kinh doanh các năm tiếp theo phát sinh doanh thu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Các Phường xã có thay đổi (15 xã, phường mới (52 xã, phường cũ))							
1	Phường Thục Phán	Phường Hợp Giang	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	0
		Phường Sông Hiến	50		50		0	0
		Phường Đề Thám	50		50		0	0
		Xã Hưng Đạo	50		50		0	0
		Xã Hoàng Tung	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 60% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	Tỷ lệ tăng hàng năm tăng 5% Mức tối đa tăng 20%
2	Phường Tân Giang	Phường Tân Giang	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	0
		Phường Duyệt Trung	50		50		0	0
		Phường Hòa Chung	50		50		0	0
		Xã Chu Trinh	50		50		0	0
		Xã Lê Chung	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 60% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	Tỷ lệ tăng hàng năm tăng 5% Mức tối đa tăng 20%

3	Xã Bảo Lạc	Thị trấn Bảo Lạc	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 70% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 70% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	0
		Xã Bảo Toàn	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 60% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	Mức tối đa tăng 10%
		Xã Hồng Trị	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 60% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	
4	Xã Bảo Lâm	Thị trấn Pác Miầu	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 70% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 70% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	0
		Xã Mông Ân	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 60% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	Mức tối đa tăng 10%
		Xã Vĩnh Phong	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 60% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	
5	Xã Hạ Lang	Thị trấn Thanh Nhật	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 70% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 70% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	0
		Xã Thống Nhất	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 60% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	Mức tối đa tăng 10%
		Xã Thị Hoa	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 60% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	
6	Xã Thông Nông	Thị trấn Thông Nông	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 70% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 70% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	0
		Xã Lương Can	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 60% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	Mức tối đa

		Xã Đa Thông	50	giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	Mức tối đa tăng 10%
7	Xã Trường Hà	Thị trấn Xuân Hòa	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 70% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 70% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	0
		Xã Quý Quân	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 60% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	Mức tối đa tăng 10%
		Xã Sóc Hà	50		50		0	
		Xã Trường Hà	50		50		0	
8	Xã Hòa An	Thị trấn Nước Hai	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 70% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 70% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	0
		Xã Hồng Việt	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 60% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	Mức tối đa tăng 10%
		Xã Đại Tiến	50		50		0	
9	Xã Tĩnh Túc	Thị trấn Tĩnh Túc	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 70% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 70% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	0
		Xã Triệu Nguyên	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 60% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	Mức tối đa tăng 10%
		Xã Vũ Nông	50		50		0	
10	Xã Nguyên	Thị trấn Nguyên Bình	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 70% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 70% và giữ ổn định tỷ	0	0

	Binh	Xã Thê Dục	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 60% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	Mức tối đa tăng 10%
		Xã Vũ Minh	50		50		0	
11	Xã Phục Hòa	Thị trấn Hòa Thuận	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 70% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 70% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	0
		Thị trấn Tà Lùng	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 60% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	Mức tối đa tăng 10%
		Xã Mỹ Hưng	50		50		0	
12	Xã Quảng Uyên	Thị trấn Quảng Uyên	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 70% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 70% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	0
		Xã Chí Thảo	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 60% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	Mức tối đa tăng 10%
		Xã Phúc Sen	50		50		0	
		Xã Phi Hải	50		50		0	
13	Xã Đông Khê	Thị trấn Đông Khê	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 70% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	0
		Xã Đức Xuân	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 60% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	Mức tối đa tăng 10%
		Xã Trọng Con	50		50		0	

14	Xã Trùng Khánh	Thị trấn Trùng Khánh	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 70% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 70% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	0
		Xã Lăng Hiếu	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 60% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	Mức tối đa tăng 10%
		Xã Đức Hồng	50		50		0	
		Xã Khâm Thành	50		50		0	
15	Xã Trà Lĩnh	Thị trấn Trà Lĩnh	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 70% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 70% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	0
		Xã Cao Chương	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 60% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	Mức tối đa tăng 10%
		Xã Quốc Toàn	50		50		0	
II Các xã, phường không thay đổi								
1	Phường Nùng Trí Cao	Phường Sông Bằng	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	Giữ nguyên			Không tăng/giảm
		Phường Ngọc Xuân	50					
		Xã Vĩnh Quang	50					

2	40 xã (mới), gồm: Sơn Lộ, Hưng Đạo, Cốc Pàng, Cô Ba, Khánh Xuân, Xuân Trường, Huy Giáp, Quảng Lâm, Nam Quang, Lý Bôn, Yên Thổ, Lý Quốc, Vinh Quý, Quảng Long, Thanh Long, Cần Yên, Hà Quảng, Lũng Nặm, Tổng Cọt, Nam Tuấn, Bạch Đằng, Nguyễn Huệ, Ca Thành, Phan Thanh, Thành Công, Tam Kim, Minh Tâm, Bế Văn Đàn, Độc Lập, Hạnh Phúc, Minh Khai, Canh Tân, Kim Đồng, Thạch An, Đức Long, Quang Hán, Quang Trung, Đoài Dương, Đàm Thủy, Đình Phong; (106 xã cũ)	50	Tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 65% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	Giữ nguyên	Không tăng/giảm
---	---	----	---	------------	-----------------

PHỤ LỤC 2: BIỂU SO SÁNH TỶ LỆ LẮP ĐẦY (%) ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH SỐ 47/2524/QĐ/UBND NGÀY 14/10/2524 CỦA UBND TỈNH CAO BẰNG ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP KINH DOANH KHÁCH SẠN, LƯU TRÚ, NGHỈ DƯỠNG

STT	Đơn vị hành chính từ 01/7/2525	Đơn vị hành chính trước 1/7/2525	Tỷ lệ (%) theo QĐ47/2524/QĐ-UBND ngày 14/10/2524		Tỷ lệ đề xuất		Tăng/giảm	
			Tỷ lệ lắp đầy diện tích sàn kinh doanh trong năm đầu tiên phát sinh doanh thu	Tỷ lệ lắp đầy diện tích sàn kinh doanh các năm tiếp theo phát sinh doanh thu	Tỷ lệ lắp đầy diện tích sàn kinh doanh trong năm đầu tiên phát sinh doanh thu	Tỷ lệ lắp đầy diện tích sàn kinh doanh các năm tiếp theo phát sinh doanh thu	Tỷ lệ lắp đầy diện tích sàn kinh doanh trong năm đầu tiên phát sinh doanh thu	Tỷ lệ lắp đầy diện tích sàn kinh doanh các năm tiếp theo phát sinh doanh thu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I Các Phường xã có thay đổi								
1	Phường Thục Phán	Phường Hợp Giang	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	0
		Phường Sông Hiến	50		50		0	0
		Phường Đề Thám	50		50		0	0
		Xã Hưng Đạo	50		50		0	0
		Xã Hoàng Tung	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 65% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 65% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	Tỷ lệ tăng hàng năm tăng 5% Mức tối đa tăng 15%
2	Phường Tân Giang	Phường Tân Giang	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	0
		Phường Duyệt Trung	50		50		0	0
		Phường Hòa Chung	50		50		0	0
		Xã Chu Trinh	50		50		0	0
		Xã Lê Chung	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 65% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 65% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	Tỷ lệ tăng hàng năm tăng 5% Mức tối đa tăng 15%

3	Xã Bảo Lạc	Thị trấn Bảo Lạc	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	0
		Xã Bảo Toàn	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 65% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	Tỷ lệ tăng hàng năm tăng 5% Mức tối đa tăng 15%
		Xã Hồng Trị	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 65% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	
4	Xã Bảo Lâm	Thị trấn Pác Miầu	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	0
		Xã Mông Ân	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 65% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	Tỷ lệ tăng hàng năm tăng 5% Mức tối đa tăng 15%
		Xã Vĩnh Phong	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 65% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	
5	Xã Hạ Lang	Thị trấn Thanh Nhật	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	0
		Xã Thống Nhất	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 65% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	Tỷ lệ tăng hàng năm tăng 5% Mức tối đa tăng 15%
		Xã Thị Hoa	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 65% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	
6	Xã Thông Nông	Thị trấn Thông Nông	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	0
		Xã Lương Can	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 65% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	Tỷ lệ tăng hàng năm tăng 5% Mức tối đa tăng 15%
		Xã Đa Thông	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 65% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	

7	Xã Trường Hà	Thị trấn Xuân Hòa	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	0
		Xã Quý Quân	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 65% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	Tỷ lệ tăng hàng năm tăng 5% Mức tối đa tăng 15%
		Xã Sóc Hà	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 65% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	
		Xã Trường Hà	50		50		0	
8	Xã Hòa An	Thị trấn Nước Hai	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	0
		Xã Hồng Việt	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 65% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	Tỷ lệ tăng hàng năm tăng 5% Mức tối đa tăng 15%
		Xã Đại Tiến	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 65% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	
9	Xã Tĩnh Túc	Thị trấn Tĩnh Túc	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	0
		Xã Triệu Nguyên	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 65% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	Tỷ lệ tăng hàng năm tăng 5% Mức tối đa tăng 15%
		Xã Vũ Nông	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 65% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	
10	Xã Nguyên Bình	Thị trấn Nguyên Bình	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	0
		Xã Thẽ Dục	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 65% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	Tỷ lệ tăng hàng năm tăng 5% Mức tối đa tăng 15%
		Xã Vũ Minh	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 65% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	

11	Xã Phục Hòa	Thị trấn Hòa Thuận	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	0
		Thị trấn Tà Lùng	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 65% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	Tỷ lệ tăng hàng năm tăng 5% Mức tối đa tăng 15%
		Xã Mỹ Hưng	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 65% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	
12	Xã Quảng Uyên	Thị trấn Quảng Uyên	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	0
		Xã Chí Thào	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 65% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	Tỷ lệ tăng hàng năm tăng 5% Mức tối đa tăng 15%
		Xã Phúc Sen	50		50		0	
		Xã Phi Hải	50		50		0	
13	Xã Đông Khê	Thị trấn Đông Khê	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	0
		Xã Đức Xuân	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 65% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	Tỷ lệ tăng hàng năm tăng 5% Mức tối đa tăng 15%
		Xã Trọng Con	50		50		0	
14	Xã Trùng Khánh	Thị trấn Trùng Khánh	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	0
		Xã Lăng Hiếu	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 65% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	Tỷ lệ tăng hàng năm tăng 5% Mức tối đa tăng 15%
		Xã Đức Hồng	50		50		0	
		Xã Khâm Thành	50		50		0	

15	Xã Trà Linh	Thị trấn Trà Linh	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	0
		Xã Cao Chương	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 65% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	Tỷ lệ tăng hàng năm tăng 5% Mức tối đa tăng 15%
		Xã Quốc Toàn	50		50		0	
II Các xã, phường không thay đổi								
1	Phường Nùng Trí Cao	Phường Sông Bằng	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	Giữ nguyên	Giữ nguyên	Không tăng/giảm	
		Phường Ngọc Xuân	50					
		Xã Vĩnh Quang	50					
	40 xã (mới), gồm: Sơn Lộ, Hưng Đạo, Cốc Pàng, Cô Ba, Khánh Xuân, Xuân Trường, Huy Giáp, Quảng Lâm, Nam Quang, Lý Bôn, Yên Thổ, Lý Quốc, Vinh Quý, Quảng Long, Thanh Long, Cần Yên, Hà Quảng, Lũng Nặm, Tổng Cột, Nam Tuấn, Bạch Đằng, Nguyễn Huệ, Ca Thành, Phan Thanh, Thành Công, Tam Kim, Minh Tâm, Bế Văn Đàn, Độc Lập, Hạnh Phúc, Minh Khai, Canh Tân, Kim Đồng, Thạch An, Đức Long, Quang Hán, Quang Trung, Đoàn Dương, Đàm Thủy, Đình Phong; (106 xã cũ)		50	Tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 65% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	Giữ nguyên	Giữ nguyên	Không tăng/giảm	

PHỤ LỤC 3: BIỂU SO SÁNH TỶ LỆ LẮP ĐẦY (%) ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH SỐ 47/2524/QĐ/UBND NGÀY 14/10/2524 CỦA UBND TỈNH CAO BẰNG ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP KINH DOANH CHO THUÊ KHO XƯỞNG, BẾN BÃI, HẠ TẦNG TRONG CÁC KHU CÔNG NGHIỆP, CỤM CÔNG NGHIỆP

STT	Đơn vị hành chính từ 01/7/2525	Đơn vị hành chính trước 1/7/2525	Tỷ lệ (%) theo QĐ47/2524/QĐ-UBND ngày 14/10/2524		Tỷ lệ đề xuất		Tăng/giảm	
			Tỷ lệ lắp đầy diện tích sàn kinh doanh trong năm đầu tiên phát sinh doanh thu	Tỷ lệ lắp đầy diện tích sàn kinh doanh các năm tiếp theo phát sinh doanh thu	Tỷ lệ lắp đầy diện tích sàn kinh doanh trong năm đầu tiên phát sinh doanh thu	Tỷ lệ lắp đầy diện tích sàn kinh doanh các năm tiếp theo phát sinh doanh thu	Tỷ lệ lắp đầy diện tích sàn kinh doanh trong năm đầu tiên phát sinh doanh thu	Tỷ lệ lắp đầy diện tích sàn kinh doanh các năm tiếp theo phát sinh doanh thu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I Các Phường xã có thay đổi								
1	Phường Thục Phán	Phường Hợp Giang	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 90% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 90% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	0
		Phường Sông Hiến	50		50		0	0
		Phường Đề Thám	50		50		0	0
		Xã Hưng Đạo	50		50		0	0
		Xã Hoàng Tung	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	Tỷ lệ tăng hàng năm tăng 5% Mức tối đa tăng 10%
2	Phường Tân Giang	Phường Tân Giang	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 90% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 90% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	0
		Phường Duyệt Trung	50		50		0	0
		Phường Hòa Chung	50		50		0	0
		Xã Chu Trinh	50		50		0	0
		Xã Lê Chung	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	Tỷ lệ tăng hàng năm tăng 5% Mức tối đa tăng 10%

3	Xã Bảo Lạc	Thị trấn Bảo Lạc	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 90% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 90% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	0
		Xã Bảo Toàn	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	Tỷ lệ tăng hàng năm tăng 5% Mức tối đa tăng 10%
		Xã Hồng Trị	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	
4	Xã Bảo Lâm	Thị trấn Pác Miầu	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 90% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 90% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	0
		Xã Mông Ân	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	Tỷ lệ tăng hàng năm tăng 5% Mức tối đa tăng 10%
		Xã Vĩnh Phong	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	
5	Xã Hạ Lang	Thị trấn Thanh Nhật	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 90% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 90% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	0
		Xã Thống Nhất	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	Tỷ lệ tăng hàng năm tăng 5% Mức tối đa tăng 10%
		Xã Thị Hoa	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	
6	Xã Thông Nông	Thị trấn Thông Nông	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 90% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 90% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	0
		Xã Lương Can	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	Tỷ lệ tăng hàng năm tăng 5% Mức tối đa tăng 10%
		Xã Đa Thông	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	

7	Xã Trường Hà	Thị trấn Xuân Hòa	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 90% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 90% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	0
		Xã Quý Quân	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	Tỷ lệ tăng hàng năm tăng 5% Mức tối đa tăng 10%
		Xã Sóc Hà	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	
		Xã Trường Hà	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	
8	Xã Hòa An	Thị trấn Nước Hai	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 90% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 90% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	0
		Xã Hồng Việt	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	Tỷ lệ tăng hàng năm tăng 5% Mức tối đa tăng 10%
		Xã Đại Tiến	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	
9	Xã Tĩnh Túc	Thị trấn Tĩnh Túc	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 90% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 90% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	0
		Xã Triệu Nguyên	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	Tỷ lệ tăng hàng năm tăng 5% Mức tối đa tăng 10%
		Xã Vũ Nông	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	
10	Xã Nguyên Bình	Thị trấn Nguyên Bình	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 90% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 90% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	0
		Xã Thẽ Dục	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	Tỷ lệ tăng hàng năm tăng 5% Mức tối đa tăng 10%
		Xã Vũ Minh	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	

11	Xã Phục Hòa	Thị trấn Hòa Thuận	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 90% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 90% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	0
		Thị trấn Tà Lùng	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	Tỷ lệ tăng hàng năm tăng 5% Mức tối đa tăng 10%
		Xã Mỹ Hưng	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	
12	Xã Quảng Uyên	Thị trấn Quảng Uyên	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 90% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 90% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	0
		Xã Chí Thảo	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	Tỷ lệ tăng hàng năm tăng 5% Mức tối đa tăng 10%
		Xã Phúc Sen	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	
		Xã Phi Hải	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	
13	Xã Đông Khê	Thị trấn Đông Khê	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 90% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 90% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	0
		Xã Đức Xuân	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	Tỷ lệ tăng hàng năm tăng 5% Mức tối đa tăng 10%
		Xã Trọng Con	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	
14	Xã Trùng Khánh	Thị trấn Trùng Khánh	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 90% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 90% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	0
		Xã Lăng Hiếu	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	Tỷ lệ tăng hàng năm tăng 5% Mức tối đa tăng 10%
		Xã Đức Hồng	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	
		Xã Khâm Thành	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	

15	Xã Trà Lĩnh	Thị trấn Trà Lĩnh	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 90% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 90% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	0	0
		Xã Cao Chương	50	tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	50		0	Tỷ lệ tăng hàng năm tăng 5% Mức tối đa tăng 10%
		Xã Quốc Toàn	50		50		0	
II Các xã, phường không thay đổi								
1	Phường Nùng Trí Cao	Phường Sông Bằng	50	tăng 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 90% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	Giữ nguyên		Không tăng/giảm	
		Phường Ngọc Xuân	50					
		Xã Vĩnh Quang	50					
2	40 xã (mới), gồm: Sơn Lộ, Hưng Đạo, Cốc Pàng, Cô Ba, Khánh Xuân, Xuân Trường, Huy Giáp, Quảng Lâm, Nam Quang, Lý Bôn, Yên Thổ, Lý Quốc, Vinh Quý, Quảng Long, Thanh Long, Cần Yên, Hà Quảng, Lũng Nặm, Tổng Cột, Nam Tuấn, Bạch Đằng, Nguyễn Huệ, Ca Thành, Phan Thanh, Thành Công, Tam Kim, Minh Tâm, Bế Văn Đàn, Độc Lập, Hạnh Phúc, Minh Khai, Canh Tân, Kim Đồng, Thạch An, Đức Long, Quang Hán, Quang Trung, Đoài Dương, Đàm Thủy, Đình Phong; (106 xã cũ)		50	Tăng 5%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 80% và giữ ổn định tỷ lệ này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án	Giữ nguyên		Không tăng/giảm	

ĐỀ XUẤT XÁC ĐỊNH TỶ LỆ (%) TÍNH ĐƠN GIÁ THUÊ ĐẤT

I	TỶ LỆ LẬP ĐẦY ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP CHO THUÊ VĂN PHÒNG THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ
1	Đề xuất tỷ lệ căn cứ trên tỷ lệ (%) theo Quyết định số 47/2024/QĐ-UBND của UBND tỉnh Cao Bằng và tình hình thực tế tại địa phương
	Sau khi xem xét, đề xuất đưa ra tỷ lệ (%) áp dụng cho các xã phường mới, như sau:
	Tỷ lệ lấp đầy diện tích sàn kinh doanh trong năm đầu tiên phát sinh doanh thu giữ nguyên mức 50%
	Đối với địa bàn các Xã (cũ) gộp vào các Phường (mới) đề xuất áp dụng theo tỷ lệ của địa bàn Thành phố Cao Bằng
	Đối với địa bàn các Xã (cũ) gộp vào các Xã mới (có Thị trấn cũ) đề xuất áp dụng theo tỷ lệ của địa bàn Thị trấn thuộc các huyện trên địa bàn tỉnh
	Đối với địa bàn các Xã (cũ) gộp thành Xã mới giữ nguyên tỷ lệ theo QĐ số 47/2024/QĐ-UBND
2	Về tỷ lệ xã có sự thay đổi (Theo Phụ lục 1)
	02 xã có Tỷ lệ tăng hàng năm tăng 5%, mức tối đa tăng 20%
	29 xã có tỷ lệ mức tối đa tăng 10%
	130 xã giữ nguyên mức tỷ lệ theo Quyết định số 47/2024/QĐ-UBND
II	TỶ LỆ LẬP ĐẦY ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP KINH DOANH KHÁCH SẠN, LƯU TRÚ, NGHỈ DƯỠNG
1	Đề xuất tỷ lệ căn cứ trên tỷ lệ (%) theo Quyết định số 47/2024/QĐ-UBND của UBND tỉnh Cao Bằng và tình hình thực tế tại địa phương
	Sau khi xem xét, đề xuất đưa ra tỷ lệ (%) áp dụng cho các xã phường mới, như sau:
	Tỷ lệ lấp đầy diện tích sàn kinh doanh trong năm đầu tiên phát sinh doanh thu giữ nguyên mức 50%
	Đối với địa bàn các Xã (cũ) gộp vào các Phường (mới) đề xuất áp dụng theo tỷ lệ của địa bàn Thành phố Cao Bằng
	Đối với địa bàn các Xã (cũ) gộp vào các Xã mới (có Thị trấn cũ) đề xuất áp dụng theo tỷ lệ của địa bàn Thị trấn thuộc các huyện trên địa bàn tỉnh
	Đối với địa bàn các Xã (cũ) gộp thành Xã mới giữ nguyên tỷ lệ theo QĐ số 47/2024/QĐ-UBND

2	Về tỷ lệ xã có sự thay đổi (Theo Phụ lục 2)
	31 xã có Tỷ lệ tăng hàng năm tăng 5%, mức tối đa tăng 15%
	130 xã giữ nguyên mức tỷ lệ theo Quyết định số 47/2024/QĐ-UBND
III	TỶ LỆ LẤP ĐẦY ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP KINH DOANH CHO THUÊ KHO XƯỞNG, BẾN BÃI, HẠ TẦNG TRONG CÁC KHU CÔNG NGHIỆP, CỤM CÔNG NGHIỆP
1	Đề xuất tỷ lệ căn cứ trên tỷ lệ (%) theo Quyết định số 47/2024/QĐ-UBND của UBND tỉnh Cao Bằng và tình hình thực tế tại địa phương
	Sau khi xem xét, đề xuất đưa ra tỷ lệ (%) áp dụng cho các xã phường mới, như sau:
	Tỷ lệ lấp đầy diện tích sàn kinh doanh trong năm đầu tiên phát sinh doanh thu giữ nguyên mức 50%
	Đối với địa bàn các Xã (cũ) gộp vào các Phường (mới) đề xuất áp dụng theo tỷ lệ của địa bàn Thành phố Cao Bằng
	Đối với địa bàn các Xã (cũ) gộp vào các Xã mới (có Thị trấn cũ) đề xuất áp dụng theo tỷ lệ của địa bàn Thị trấn thuộc các huyện trên địa bàn tỉnh
	Đối với địa bàn các Xã (cũ) gộp thành Xã mới giữ nguyên tỷ lệ theo QĐ số 47/2024/QĐ-UBND
2	Về tỷ lệ xã có sự thay đổi (Theo Phụ lục 3)
	31 xã có Tỷ lệ tăng hàng năm tăng 5%, mức tối đa tăng 10%
	130 xã giữ nguyên mức tỷ lệ theo Quyết định số 47/2024/QĐ-UBND
Tổng	Có 31 xã có sự thay đổi về tỷ lệ lấp đầy.